

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ RIỀNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33/2018/QĐST- DS

*Phú Riềng, ngày 09 tháng 4 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

\* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, cùng địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

\* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Luật sư Trần Thị N1 - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Đ theo Văn bản ủy quyền số 0001286 ngày 17/4/2017.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Luật sư Ngô Thị T1 - Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T.

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### ***a/ Giao cho bà Nguyễn Thị N gồm:***

- Thửa số 33 có diện tích là 6.770m<sup>2</sup> (nay là thửa số 22, có diện tích là 7.349,1m<sup>2</sup>) tọa lạc tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa số 15 và số 20; Phía Tây giáp thửa số 21 và số 35; Phía Nam giáp xã Long Tân; Phía Bắc giáp thửa số 14;

- Thửa số 35 có diện tích là 3.200m<sup>2</sup> (nay là thửa số 35, có diện tích là 2.811m<sup>2</sup> và 693m<sup>2</sup> hành lang bảo vệ suối) tọa lạc tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa số 22; Phía Tây giáp Suối Đâm; Phía Nam giáp xã Long Tân; Phía Bắc giáp thửa số 21.

Cùng toàn bộ tài sản trên đất;

### ***b/ Giao cho ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T gồm:***

- Thửa số 9 có diện tích là 1.400m<sup>2</sup> (nay là thửa số 1, có diện tích là 1.096,9m<sup>2</sup> và 438m<sup>2</sup> hành lang bảo vệ suối) tọa lạc tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường thôn; Phía Tây giáp Suối Đâm; Phía Nam giáp thửa số 8; Phía Bắc giáp thửa số 10 (4);

- Thửa số 19 có diện tích là 3.790m<sup>2</sup> (nay là thửa số 10, có diện tích là 3.807,8m<sup>2</sup>) tọa lạc tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa số 6 và số 7; Phía Tây giáp thửa số 9; Phía Nam giáp thửa số 13; Phía Bắc giáp đường thôn.

Cùng toàn bộ tài sản trên đất;

***c/ Đối với thửa số 190 có diện tích là 6.000m<sup>2</sup> (Theo kết quả đo đạc ngày 08/02/2018 có diện tích là 6.801,6m<sup>2</sup>), có 400m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tọa lạc tại Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước được chia như sau:***

- Giao cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích đất 471,7m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 371,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và tài sản trên đất.

Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất số 83 có cạnh 58,49m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị N có cạnh 60,34m; Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T có cạnh 08m và Phía Bắc giáp đường thôn 5A có cạnh 08m.

- Giao cho bà Nguyễn Thị N diện tích đất 483,9m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 383,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và tài sản trên đất.

Đất có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Đ có cạnh 60,34m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị D có cạnh 61,34m; Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T có cạnh 08m và Phía Bắc giáp đường thôn 5A có cạnh 08m.

- Giao cho diện tích đất 933,4m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 833,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và tài sản trên đất.

Đất có tứ cận: Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị N có cạnh 61,34m; Phía Tây giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T có cạnh 63,80m; Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị T có cạnh 15m và Phía Bắc giáp đường thôn 5A có cạnh 15m.

- Giao cho ông Nguyễn Văn O và bà diện tích đất 4.912,6m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 4.812,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và 526,3m<sup>2</sup> hành lang bảo vệ suối cùng tài sản trên đất.

Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất số 83 có cạnh 57,67m và giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị D có cạnh 63,80m; Phía Tây giáp đường nhựa có cạnh 127m; Phía Nam giáp suối có cạnh 46,21m và giáp thửa số 102 có cạnh 16,84m; Phía Bắc giáp đường thôn 5A có cạnh 20,36m.

Có Bản đồ trích đo địa chính kèm theo.

#### ***d/ Về án phí dân sự sơ thẩm:***

Căn cứ Biên bản định giá ngày 14/9/2017 tổng trị giá tài sản tranh chấp trong vụ án là 1.465.695.000đ (Một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.985.425đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Các bên đương sự thống nhất chia tiền án phí dân sự sơ thẩm làm 05 phần như sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ, Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị N mỗi người chịu 5.597.085đ (Năm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn không trăm tám mươi lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 025834 ngày 04/5/2017, trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền còn lại 6.402.915đ (Sáu triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm mười lăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị T chịu 5.597.085đ (Năm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn không trăm tám mươi lăm đồng).

***đ/ Các chi phí khác:***

Chi phí đo đạc; chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu.

Các đương sự tự chịu trách nhiệm làm thủ tục sang tên tách sổ theo quy định đối với phần đất được chia.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Phán**